TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2018/DS-ST
Ngày: 21-8-2018
V/v "Tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Võ Văn Tám**

+ Ông **Nguyễn Văn Ngân**

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2018/TLST- DS ngày 19 tháng 01 năm 2018 về *"Tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp HT, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1936.

Địa chỉ: ấp HT, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của bà M: bà Nguyễn Thị Cn, sinh năm 1964, đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số chứng thực 23, quyển số 01/2018 – SCT/CK, CĐ, ngày 04/5/2018 của UBND xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông **Nguyễn Văn Cp**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp CT, xã BP, huyện TĐ, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Bà **Nguyễn Thị Cn**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp HT, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.3 Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp CT, xã BP, huyện TĐ, tỉnh Đồng Tháp.

3.4 Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp CT, xã BP, huyện TĐ, tỉnh Đồng Tháp.

3.5 Ông **Nguyễn Văn Đ** (tự Tường), sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp CT, xã BP, huyện TĐ, tỉnh Đồng Tháp.

3.6 Bà **Nguyễn Thị Đn**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp Hiệp Hòa, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.7 Bà **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp HT, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

Đại diện hợp pháp của ông **Nguyễn Văn Cp**, ông **Nguyễn Văn Đ** (tự Tường), ông **Nguyễn Văn Đ,** ông **Nguyễn Văn T**: bà Nguyễn Thị Cn, sinh năm 1964, đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số chứng thực 24, quyển số I/2018 – SCT/CK, CĐ, ngày 03/4/2018 của UBND xã BP, huyện TĐ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Cha ông là cụ Nguyễn Văn C, sinh năm 1935, chết năm 2011, không để lại di chúc bằng văn bản, không di chúc bằng lời nói, mẹ tên Lê Thị M, sinh năm 1936, còn sống. Cha mẹ sinh 08 người con gồm: 1. Nguyễn Văn Cp, 2. Nguyễn Thị Cn, 3. Nguyễn Văn T, 4. Nguyễn Văn Đ, 5. Nguyễn Văn Đ (Tường), 6. Nguyễn Thị Đn, 7. Nguyễn Văn C và 8. Nguyễn Văn D. Ngoài ra, cụ C, cụ M không có con riêng, không có con nuôi và cha mẹ ruột của cụ C không ai còn sống.

Tài sản chung của cụ M, cụ C yêu cầu chia thừa kế gồm:

1. Diện tích 6.107 m² đất sản xuất nông nghiệp tọa lạc tại xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00006/QSDĐ/CC ngày 03/11/1993 do cụ Nguyễn Văn C đứng tên.

2. Diện tích 7.353 m² đất sản xuất nông nghiệp tọa lạc tại xã Pt, huyện PT, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02092/hc ngày 13/11/1998 do cụ Nguyễn Văn C đứng tên.

Hiện, 2 khu đất trên do cụ Lê Thị M đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Nay, ông làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện PT xem xét giải quyết chia di sản của cha Nguyễn Văn C theo pháp luật. Ông có nguyện vọng nhận đất tọa lạc tại xã Pt và tự nguyện giao trả một kỷ phần cho các thừa kế trong hàng thừa kế.

* Bà Nguyễn Thị Cn đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Lê Thị M trình bày: Bà là con ruột của cụ M và cụ Nguyễn Văn C, cụ C chết năm 2011, ông không để lại di chúc, cha mẹ có 8 người con gồm: Nguyễn Văn Cp, Nguyễn Thị Cn, Nguyễn Thị Đn, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ (Tường), Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn D, tất cả đều đã trưởng thành và tự lập được, hai cụ không có con riêng, con nuôi đúng như ông C trình bày. Lúc sinh thời, cha mẹ bà có tạo lập được những tài sản gồm:

Đất tọa lạc tại xã PH có diện tích thực tế 6.804m^2 gồm: thửa 124, có diện tích: 2116 m^2; thửa 224, có diện tích: 1390m^2, và thửa 225, có diện tích: 3.298m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 45 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00006/cC cấp ngày 03/11/1993. Diện tích 7.353 m² đất sản xuất nông nghiệp tọa lạc tại xã Pt. Sau khi đo đạc, diện tích thực tế chênh lệnh giảm 864m, còn lại: 6.489m^2, bà và anh chị em của bà thống nhất diện tích còn lại: 6.489m^2, không tranh chấp với ai hay khiếu nại đối với UBND huyện PT đối với diện tích đất giảm 864m^2 này vì ranh đất không thay đổi (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02092QSDĐ/cC được UBND huyện PT cấp ngày 13/11/1998 cấp cho ông Nguyễn Văn C đứng tên có diện tích: 10.593m^2. Năm 2008, cụ M, cụ C đã chuyển nhượng 3240m^2 cho Mai Thị Nga). Hiện, cụ M đang quản lý, sử dụng diện tích đất trên.

Bà đại diện cho cụ M yêu cầu được hưởng tài sản theo quy định pháp luật và tự nguyện nhận diện tích 6.804m^2 đất sản xuất nông nghiệp, tọa lạc tại xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

Đối với diện tích 6.489m^2 đất sản xuất nông nghiệp, ao, toạ lạc tại xã Pt, huyện PT, tỉnh An Giang, đồng ý để cho ông Nguyễn Văn C có toàn quyền sử dụng và ông C có trách nhiệm giao 01 suất thừa kế cho các thừa kế khác.

* Bà Nguyễn Thị Đn trình bày: thống nhất như yêu cầu của ông C và mẹ là bà M, đồng ý nhận 01 kỷ phần như bà Cn, ông C đã trình bày.

Bà M, bà Đn, bà Cn và ông C thống nhất: Căn cứ biên bản định giá ngày 28/12/2016 làm căn cứ xác định giá trị đất. Đối với diện tích 6.489m^2 x 48.000 đồng = 311.472.000 đồng sẽ chia cho 8 suất thừa kế bằng: 38.934.000đ, ông C

nhận một suất thừa kế và ông có trách nhiệm giao trả 07 suất thừa kế cho các anh chị em của ông, mỗi người được hưởng: 38.934.000đ và ông C được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 6.489m^2 đất sản xuất nông nghiệp, ao, toạ lạc tại xã Pt. Ngoài ra, các đương sự không có ý kiến nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa đương sự chấp hành tốt các qui định của pháp luật. Ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về mặt nội dung: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên thống nhất phần bà M nhận hưởng diện tích đất tọa lạc tại xã PH, ông C nhận đất tại xã Pt và giao 01 suất thừa kế cho 8 người thừa kế còn lại, việc thỏa thuận này là không trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử vụ án dân sự thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: chia di sản thừa kế do cha để lại nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật: Tranh chấp về thừa kế tài sản quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; bị đơn, đất tọa lạc tại ấp HT, xã PH, huyện PT và xã Pt, huyện PT theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT.

Ông Nguyễn Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn không có mặt, không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt đối với ông D.

[2]*Về nội dung:*

Xét, yêu cầu của ông Nguyễn Văn C yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích 6.489m^2 đất sản xuất nông nghiệp, ao toạ lạc tại xã Pt và tích 6.804m^2 đất sản xuất nông nghiệp, tọa lạc tại xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

Cụ Nguyễn Văn C chết 2011, đến nay vẫn Cn thời hiệu khởi kiện, cụ C chết được các đương sự xác nhận Cụ không để lại di chúc nên khi phát sinh tranh chấp thì

các đương sự sẽ được chia di sản thừa kế theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ C gồm: vợ là cụ Lê Thị M và 8 người con chung: Ông Nguyễn Văn Cp, bà Nguyễn Thị Cn, bà Nguyễn Thị Đn, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Đ (Tường), ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn D.

Các đương sự thống nhất tài sản do cụ C và cụ M tạo lập được 02 khu đất và yêu cầu chia: Diện tích 6.489m^2 đất sản xuất nông nghiệp, ao toạ lạc tại xã Pt hiện và tích 6.804m^2 đất sản xuất nông nghiệp, tọa lạc tại xã PH.

Theo sơ đồ hiện trạng khu đất được Văn phòng đăng ký đất đai huyện PT lập thì diện tích 6.107 m² đất sản xuất nông nghiệp tọa lạc tại xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang. Giấy chứng nhận QSDĐ số 00006/QSDĐ/CC ngày 03/11/1993 do cụ Nguyễn Văn C đứng tên. Sau khi đo đạc thực tế có diện tích 6.804m^2 , tăng 697m^2 theo quy định tại *khoản 5 Điều 98 Luật đất đai: "Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này hoặc Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế."*

Đối với diện tích 7.353 m² đất sản xuất nông nghiệp tọa lạc tại xã Pt. Sau khi đo đạc, diện tích thực tế chênh lệnh giảm 864m, (7.353m^2 – 6.489m^2), các đương sự thống nhất diện tích: 6.489m^2 làm căn cứ giải quyết, không tranh chấp với ai hay khiếu nại đối với UBND huyện PT đối với diện tích đất giảm 864m^2.

Hội đồng xét xử xác định tài sản là di sản có: diện tích 6.489m^2 đất sản xuất nông nghiệp, ao toạ lạc tại xã Pt và tích 6804m^2 đất sản xuất nông nghiệp, tọa lạc tại xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

Các đương sự thống nhất giá trị đất đã được Hội đồng định giá: 48.000đ/01m^2. Hội đồng xét xử căn cứ vào diện tích đất thực tế và xác định tài sản của cụ M, cụ C là: diện tích 6804m^{2}x 48.000 đồng = 326.592.000 đồng + diện tích đất 6489m^2 x 48.000 đồng = 311.472.000 đồng, tổng giá trị tài sản: 326.592.000 đồng + 311.472.000 đồng = 638.064.000đ, phần ½ tài sản trong khối tài sản chung của cụ M: 638.064.000đ/2 = 319.032.000đ, cụ M còn được hưởng 01 suất thừa kế của chồng mình là cụ C = 35.448.000đ (319.032.000đ/9 suất), tổng cộng cụ M được nhận 35.448.000đ+ 319.032.000đ = 354.480.000đ. Tuy nhiên, bà Cn đại diện cho cụ M chỉ yêu cầu nhận diện tích đất 6.804m^2 x 48.000 đồng = 326.592.000 đồng, tự

nguyện này không trái pháp luật, đạo đức xã hội và các đương sự đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với diện tích đất tọa lạc xã Pt có giá: 6489m^2 x 48.000 đồng = 311.472.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Cn đại diện cho cụ M và cho các đương sự: ông Nguyễn Văn Cp, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ (Tường), Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đn đồng ý giao cho ông C có toàn quyền sử dụng đối với diện tích đất 6489m^2 có giá trị 311.472.000 đồng và ông C có trách nhiệm giao 01 suất thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Nguyễn Văn Cp, bà Nguyễn Thị Cn, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ (Tường), Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đn và ông Nguyễn Văn D mỗi người: 38.934.000đ (311.472.000đ/8 người).

Do ông D vắng mặt nên đối với 01 suất thừa kế của ông D được hưởng sẽ tạm giao cho ông C quản lý, khi ông D có yêu cầu thì ông C phải có trách nhiệm giao trả số tiền 38.934.000đ cho ông D.

[3] Về án phí: Cụ M trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí Hội đồng xét xử miễn án phí cho cụ, các đương sự ông Nguyễn Văn Cp, Nguyễn Thị Cn, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Đn, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ (Tường), Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D mỗi người chịu án phí 1.946.000đ đối với 01 suất thừa kế được hưởng 38.934.000đ.

[4] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng: 1.000.000đ bà Cn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 609, Điều 623, Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 98, Điều 100 Luật đất đai 2013;

Căn cứ khoản 16, khoản 20 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành luật một số điều của Luật đất đai.

Căn cứ Điều 12 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với cụ Lê Thị M.

Ông Nguyễn Văn C được hưởng 01 suất thừa kế có giá trị: 38.934.000đ.

Ông Nguyễn Văn C được quyền sử dụng đất tại các thửa: 416, 418, 372, 473, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Pt, huyện PT, tỉnh An Giang diện tích thực tế: 6.489 m² tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 23/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT.

Ông C phải giao 01 suất thừa kế có giá trị 38.934.00đ cho các đương sự: ông Nguyễn Văn Cp, bà Nguyễn Thị Cn, bà Nguyễn Thị Đn, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Đ (Tường), ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn D.

Cụ Lê Thị M được quyền sử dụng đất tại các thửa: 124 có diện tích: 2.116m^2, tờ bản đồ số: 45 thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 theo Sơ đồ hiện trang khu đất lập ngày 13/9/2017, và thửa 224, có diện tích: 1.390m^2, tờ bản đồ số: 45 thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 14, 15, 16, và thửa 225 có diện tích: 3.298m^2 tờ bản đồ số 45, tại các điểm: 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 theo Sơ đồ hiện trang khu đất lập ngày 23/9/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện PT, cả 03 thửa trên có diện tích: 6.804 m² tọa lạc tại xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang

Cụ M, ông C có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Cụ M trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí Hội đồng xét xử miễn án phí cho cụ, các đương sự: ông Nguyễn Văn Cp, bà Nguyễn Thị Cn, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đn, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Đ (Tường), ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn D mỗi người chịu án phí 1.946.000đ đối với một suất thừa kế được hưởng 38.934.000đ.

Chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng: 1.000.000đ bà Cn tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa thanh toán xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui đinh tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Chí Keo